

Giải pháp nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán tại các Doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Solutions to Enhance the Effectiveness of Accounting Information Systems in Small and Medium Enterprises in the Mekong Delta Region

Thái Thảo Trần^{1,*}

¹ Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng (Bộ môn Kế toán-Kiểm toán/Khoa Kinh Tế)

*Tác giả liên hệ: tttran@stcc.edu.vn

■Nhận bài: 13/08/2024 ■Sửa bài: 19/10/2024 ■Duyệt đăng: 12/11/2024

TÓM TẮT

Tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán là nhu cầu thiết yếu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh nhu cầu thông tin cho hoạt động quản lý càng tăng. Nhà quản lý cần biết được những hữu ích mà hệ thống thông tin mang lại, từ đó xác định đúng chiến lược thực hiện để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định và đo lường tác động của các tiêu chí ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 185 doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thông qua bảng câu hỏi khảo sát. Phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA được thực hiện thông qua phần mềm SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 07 tiêu chí ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán gồm: Quá trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế dễ dàng hơn; Hỗ trợ cho việc đánh giá thành quả quản lý thuận lợi hơn; Thoả mãn nhu cầu người sử dụng thông tin; Nâng cao chất lượng báo cáo tài chính; Cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; Cải thiện quá trình ra quyết định; Hệ thống thông tin kế toán tích hợp. Trong đó, tiêu chí "Xử lý nghiệp vụ kinh tế dễ dàng hơn" được đánh giá là quan trọng nhất của hệ thống thông tin kế toán hữu hiệu. Kế tiếp là tiêu chí "Hỗ trợ cho đánh giá thành quả thuận lợi hơn" và "Thoả mãn nhu cầu người sử dụng thông tin". Được xếp hạng cuối cùng là những thành phần tiêu chí "Hệ thống thông tin kế toán tích hợp". Từ việc tìm hiểu môi trường, đặc điểm hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa kết hợp với những tiêu chí đã được xác định nghiên cứu đề ra những giải pháp mang tính định hướng nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa đó là: giải pháp hoàn thiện nguồn nhân lực; giải pháp hoàn thiện các thủ tục và hướng dẫn; giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin; giải pháp về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng bằng sông Cửu Long, hệ thống thông tin kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, kế toán, tính hữu hiệu.

ABSTRACT

Effectiveness of accounting information systems is essential for small and medium enterprises (SMEs) in the Mekong Delta region, especially in the context of increasing information demands for management activities. Managers need to understand the benefits provided by the information systems to accurately determine the strategies necessary to achieve their business objectives. This study aims to identify and measure the impact of various criteria affecting the effectiveness of accounting information systems in SMEs in the Mekong Delta region. Data was collected from 185 SMEs through survey questionnaires. Descriptive statistical methods, reliability testing using Cronbach's Alpha, and exploratory factor analysis

(EFA) were conducted using SPSS 20.0 software. The research results indicate that there are seven criteria affecting the effectiveness of accounting information systems, including easier processing of economic transactions; better support for management performance evaluation; meeting the information needs of users; enhancing the quality of financial reports; improving internal control systems; improving decision-making processes; and the integration of accounting information systems. Among these, the criterion “facilitating the processing of economic transactions” was rated as the most important for an effective accounting information system, followed by “supporting easier management performance evaluation” and “meeting the information needs of users.” The criterion “integration of accounting information systems” was ranked last. Based on the analysis of the characteristics of accounting information systems in SMEs and the identified criteria, the study proposes directional solutions to enhance the effectiveness of accounting information systems in these enterprises, including solutions related to improving human resources, enhancing procedures and guidelines, IT application, and internal control systems.

Keywords: Small and Medium Enterprises, the Mekong Delta Region, Accounting Information Systems, internal control systems, Accounting, Effectiveness

1. GIỚI THIỆU

Hệ thống thông tin kế toán (AIS) là một hệ thống dùng để thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin tài chính và kế toán cho các bên liên quan trong một tổ chức. Mục tiêu chính của hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) là hỗ trợ việc ra quyết định, lập kế hoạch và kiểm soát tài chính của tổ chức. Hệ thống này thường bao gồm cả phần mềm và quy trình xử lý dữ liệu [1].

Việc thực hiện HTTTKT hiện nay đối với doanh nghiệp Việt Nam là một dự án quan trọng và gặp nhiều thách thức, cơ hội do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu ngày càng cao trong quản lý tài chính. Để có được những thông tin hữu ích, phù hợp với yêu cầu quản lý, cần có một HTTTKT mạnh mẽ và hữu hiệu.

Trên thế giới có rất nhiều nghiên cứu về tính hữu hiệu của HTTTKT, điển hình là Flynn [2] cho biết chỉ có 20% hệ thống thông tin đã được sử dụng thành công; Omar Elbanna [3] đã cho thấy rằng việc sử dụng hệ thống thông tin làm giảm sai sót trong báo cáo tài chính và cải thiện độ tin cậy của thông tin; Marcella V.Morgan và cộng sự [4] cho biết HTTTKT giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa cải thiện khả năng kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và tăng cường khả năng đáp ứng các yêu cầu pháp lý và báo cáo; Y.K.K.Kamal [5] HTTTKT hỗ trợ quản lý tốt hơn thông qua việc

cung cấp thông tin và phân tích dữ liệu, giúp các nhà quản lý ra quyết định chính xác hơn. Những kết luận này cho thấy tầm quan trọng của HTTTKT và HTTTKT đã được triển khai thành công trong nhiều tổ chức. Nghiên cứu cũng đã đưa ra các tiêu chí đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán ở nhiều nền kinh tế khác nhau.

Ở Việt Nam, có rất ít nghiên cứu về tính hữu hiệu của HTTTKT. Nghiên cứu nổi bật gần đây của Bùi Văn Tuấn và Hoàng Thị Lan [6] về những thách thức và rào cản mà các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt khi triển khai HTTTKT cho thấy đòi hỏi chi phí đầu tư lớn, thiếu kỹ năng và đào tạo, vấn đề bảo mật và an ninh dữ liệu, một số HTTTKT chưa phù hợp với quy định pháp lý địa phương.

Kinh tế Việt Nam là nền kinh tế hỗn hợp gồm có 04 thành phần kinh tế như sau: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mặc dù Nhà nước ta chủ trương ưu tiên phát triển các thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, song tốc độ tăng trưởng của hai thành phần này lại thấp hơn so với kinh tế tư nhân. Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê năm 2023, khu vực kinh tế tư nhân đang đóng góp 45% vào GDP cả nước, một phần ba thu ngân sách nhà nước, hơn 40% vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội và tạo việc làm cho 85% lao động cả nước. Điều này đã cho thấy vai trò, vị trí, sự

lớn mạnh của nguồn lực kinh tế tư nhân đang ngày càng được khẳng định, đặc biệt, trong việc góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và cần được quan tâm phát triển nhiều hơn.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khu vực đồng bằng sông Cửu Long đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế góp phần tạo ra việc làm, khuyến khích đổi mới sáng tạo, đóng góp vào GDP quốc gia, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, tăng cường tính cạnh tranh, khuyến khích sự phát triển địa phương, tạo ra sự đa dạng trong nền kinh tế vì thế đã được chú trọng khuyến khích loại hình doanh nghiệp này phát triển. Tuy nhiên, việc thực hiện công tác kế toán và quan tâm đầu tư vào HTTKT ở các doanh nghiệp trong khu vực còn nhiều hạn chế. Để đáp ứng những yêu cầu phát triển, nhu cầu thông tin ngày càng tăng, vấn đề về hệ thống kế toán ngày càng trở nên quan trọng, và là một trong những nhân tố chủ chốt để phát triển doanh nghiệp. Do vậy việc đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán là rất cần thiết để giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực đồng bằng Sông Cửu Long đánh giá được việc thực hiện hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp và nhận diện rõ hơn về những hữu ích mà hệ thống thông tin kế toán mang lại từ đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán.

2. NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính kết hợp với định lượng. Phương pháp định tính được sử dụng trong quá trình thiết kế bảng câu hỏi, xây dựng thang đo và mô hình nghiên cứu. Về phương pháp định lượng sử dụng dữ liệu số lượng để phân tích và đưa ra kết luận các tiêu chí đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán.

Phạm vi nghiên cứu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long; đối tượng nghiên cứu gồm giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng/phụ trách kế toán, đơn vị kiểm toán của các DNNVV trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập khảo sát 185 doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, với bảng câu hỏi khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ được gửi trực tuyến thông qua Google Form.

2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu, tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20.0 với các phương pháp nghiên cứu bao gồm: (i) thống kê mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được; (ii) kiểm định Cronbach Alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo; (iii) phân tích nhân tố khám phá EFA để rút gọn một tập k biến quan sát thành một tập F ($F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn.

Chọn mẫu: tác giả thực hiện lấy mẫu theo phương pháp chọn mẫu tổng thể. Cỡ mẫu tối thiểu $n \geq 5x$ (x: tổng số biến quan sát). Kích thước mẫu tối thiểu là phải 50, tốt hơn là 100 và tỉ lệ số quan sát/ biến đo lường là 5/1 [8] Mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 08 biến độc lập (với 37 biến quan sát) theo đó, $n=5 \times 37=185$ mẫu cho nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu

Quá trình kiểm định Cronbach's Alpha và kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy thang đo của 8 nhóm nhân tố tác động (Quá trình xử lý thông tin, nhu cầu sử dụng thông tin, báo cáo tài chính, ra quyết định, hiệu quả hoạt động, đánh giá thành quả, kiểm soát nội bộ, HTTKT tích hợp) đều có độ tin cậy tốt (Cronbach's Alpha từ 0.880-0.945). Tuy nhiên trong kết quả kiểm định này biến "Báo cáo tài chính trung thực" tuy có hệ số tương quan tổng là $0.637 > 0.3$ (hệ số tương quan thấp nhất trong nhóm), nhưng Alpha nếu bỏ đi mục hỏi sẽ là $0.929 > 0.925$ nên không đủ điều kiện tin cậy cần loại bỏ; biến "Đảm bảo sự lựa chọn giữa những hoạt động thay thế" tuy có hệ số tương quan tổng là $0.634 > 0.3$ (hệ số tương quan thấp nhất trong nhóm), nhưng Alpha nếu bỏ đi mục hỏi sẽ là $0.902 > 0.898$ nên không đủ điều kiện tin cậy cũng cần loại bỏ, và loại bỏ tất cả 4 biến (trong nhóm nhân tố hiệu quả hoạt động vì trung bình 4 biến trong nhóm

này đều <3. Từ 37 biến quan sát của 08 nhóm nhân tố độc lập, sau khi kiểm định Cronbach’s Alpha thì dữ liệu còn lại 31 biến và gom thành 07 nhóm nhân tố.

Kết quả phân tích EFA lần cuối có KMO=0.915 (>0,5) và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig = 0,000<0,05). Các điều kiện trên đều thoả mãn, chứng tỏ phân tích nhân tố khám phá EFA là phù hợp với dữ liệu.

Bảng 1. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Hệ số tải nhân tố		Hệ số Eigen_values
.764	XLTT	17.562
.737	XLTT	
.723	XLTT	
.712	XLTT	
.764	SDTT	2.659
.710	SDTT	
.689	SDTT	
.655	SDTT	
.807	BCTC	1.517
.790	BCTC	
.776	BCTC	
.740	BCTC	
.715	BCTC	
.706	BCTC	
.673	BCTC	1.027
.840	TRQĐ	
.820	TRQĐ	
.801	TRQĐ	
.700	TRQĐ	1.823
.867	ĐGTQ	
.856	ĐGTQ	
.841	ĐGTQ	
.828	ĐGTQ	1.961
.815	KSNB	
.791	KSNB	
.757	KSNB	
.753	KSNB	1.650
.698	THTH	
.651	THTH	
.641	THTH	
.620	THTH	
KMO		.915
Sig.Barlett’s		.000
Cumulative		81.518%

Dựa vào 31 biến quan sát còn lại sau khi kiểm định độ tin cậy dữ liệu và thang đo, nghiên cứu tiếp tục đánh giá trung bình của từng biến quan sát và trung bình từng thành phần tiêu chí để có thể có cái nhìn tổng quát về mức độ tiêu chí này có thể đánh giá được tính hữu hiệu của HTTTKT tại các DNNVV trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Sau đây là bảng 2 mô tả thống kê của 07 nhóm thành phần nhân tố được sắp xếp theo mức độ trung bình giảm dần.

Bảng 2. Mô tả thống kê trung bình các thành phần tiêu chí

Thành phần tiêu chí	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Quá trình xử lý thông tin	185	1.00	5.00	3.9286	.73936
Đánh giá thành quả	185	1.00	5.00	3.7723	.73640
Nhu cầu người sử dụng thông tin	185	1.00	5.00	3.7000	.66033
Báo cáo tài chính	185	1.00	5.00	3.6607	.70991
Hệ thống kiểm soát nội bộ	185	1.00	5.00	3.6116	.737339
Ra quyết định	185	1.00	5.00	3.5804	.72146
HTTTKT tích hợp	185	1.00	5.00	3.5000	.83017

Kết quả phân tích cho thấy một HTTTKT hữu hiệu ở các DNNVV trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long được đánh giá bằng 07 nhóm tiêu chí trên và chênh lệch mức độ quan trọng giữa các tiêu chí không quá cao. Trong các tiêu chí, thì tiêu chí “xử lý nghiệp vụ kinh tế dễ dàng hơn” được đánh giá là quan trọng nhất của HTTTKT hữu hiệu. Kế tiếp là thành phần “hỗ trợ cho đánh giá thành quả thuận lợi hơn” và “thoả mãn nhu cầu người sử dụng thông tin”. Được xếp hạng cuối cùng là những

thành phần tiêu chí “HTTTKT tích hợp”. Điều này hoàn toàn hợp lý và phù hợp đối với các DNNVV.

3.2. Thảo luận

Qua kết quả nghiên cứu xác định có bảy nhân tố đánh giá tính hữu hiệu của HTTTKT tại các DNNVV trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mức độ tác động mạnh mẽ nhất đến tính hữu hiệu của HTTTKT đó là nhân tố Quá trình xử lý thông tin, kế tiếp là nhân tố Nhu cầu sử dụng thông tin, Báo cáo tài chính, Ra quyết định, Đánh giá thành quả, Kiểm soát nội bộ, Hệ thống thông tin kế toán tích hợp. Nghiên cứu loại bỏ thành phần nhân tố Hiệu quả hoạt động do trung bình mỗi biến đều <3.0 không đạt độ tin cậy liên quan đến chất lượng thông tin kế toán. Sự khác biệt của nghiên cứu là sự so sánh giữa Omar Elbanna [3] và Marcella V.Morgan [4] với mô hình hiện tại Bùi Văn Tuấn và Hoàng Thị Lan [6] để xác định đầy đủ mô hình đánh giá tính hữu hiệu HTTTKT. Tiêu chí đánh giá được điều chỉnh theo đối tượng và phạm vi nghiên cứu là các DNNVV trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

* Từ viết tắt

DNNVV: Doanh nghiệp nhỏ và vừa

HTTTKT: Hệ thống thông tin kế toán

4. KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

4.1 Kết luận

Tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán là nhu cầu thiết yếu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh nhu cầu thông tin cho hoạt động quản lý càng tăng. Nhà quản lý cần biết được những hữu ích mà hệ thống thông tin mang lại, từ đó xác định đúng chiến lược thực hiện để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy tính hữu hiệu của HTTTKT được tạo ra từ những cải thiện có ý nghĩa cho doanh nghiệp, bao gồm bảy nhân tố đánh giá: Quá trình xử lý thông tin; Nhu cầu sử dụng thông tin; Báo cáo tài chính; Ra quyết định; Đánh giá thành quả; Kiểm soát nội bộ và Hệ thống thông tin

kế toán tích hợp. Kết quả nghiên cứu là một đóng góp có ý nghĩa giúp các DNNVV đánh giá được lợi ích mà HTTTKT mang lại. Từ đó, quan tâm đầu tư hơn về HTTTKT, thực hiện các giải pháp nhằm xây dựng một HTTTKT hữu hiệu tại doanh nghiệp.

4.2 Giải pháp

Thông tin kế toán có tác dụng quan trọng đến công tác quản lý, điều hành của đơn vị kế toán là cơ sở cho việc ra quyết định của nhiều đối tượng khác nhau có quyền lợi trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hoạt động của đơn vị kế toán. Từ kết quả nghiên cứu, để đạt được mục tiêu HTTTKT hữu hiệu: Nghiên cứu đề xuất những giải pháp mang tính định hướng nâng cao tính hữu hiệu của HTTTKT tại các DNNVV.

*Giải pháp hoàn thiện nguồn nhân lực:

Việc hoàn thiện nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng hệ thống được triển khai thành công và hoạt động hiệu quả. Để nâng cao kỹ năng và hiệu quả nguồn nhân lực trong việc thực hiện HTTTKT cần thực hiện một số biện pháp sau:

+ Tăng cường đào tạo và phát triển kỹ năng, tổ chức các khoá đào tạo về hệ thống HTTTKT cho nhân viên, đảm bảo nhân viên luôn được trang bị kiến thức mới nhất

+ Tuyển dụng nhân viên có kinh nghiệm và kỹ năng trong lĩnh vực kế toán và hệ thống thông tin, tạo đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ triển khai và phát triển HTTTKT.

+ Cán bộ kế toán cần phải nâng cao trình độ chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

+ Tạo điều kiện làm việc thuận lợi, đảm bảo rằng nhân viên có đủ tài nguyên cần thiết như máy tính, phần mềm, các công cụ hỗ trợ, tạo môi trường làm việc tích cực và khuyến khích sự hợp tác.

* Giải pháp hoàn thiện các thủ tục và hướng dẫn: Để hoàn thiện các thủ tục và hướng dẫn trong việc thực hiện HTTTKT, cần thực hiện:

+ Phát triển và cập nhật quy trình: Xây dựng một khung làm việc toàn diện bao gồm các quy trình, hướng dẫn và chính sách nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả

+ Tạo tài liệu hướng dẫn sử dụng, video đào tạo và tài liệu trực tuyến dễ tiếp cận.

+ Tạo ra quy định và chính sách: thiết lập chính sách an ninh và bảo mật, đưa ra các quy định về quyền truy cập, mã hoá và sao lưu dữ liệu

+ Đánh giá và điều chỉnh các quy trình để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan quản lý và chuẩn mực kế toán

+ Đảm bảo rằng tất cả các quy trình đều tuân thủ các quy định pháp lý và tiêu chuẩn quốc gia.

+ Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn liên tục giúp nhân viên làm quen với hệ thống và giải quyết các vấn đề phát sinh từ các chuyên gia HTTKT

* Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin

Ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trong việc thực hiện HTTKT có thể cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao độ chính xác và giảm thiểu rủi ro do đó cần:

+ Lựa chọn phần mềm tích hợp, sử dụng phần mềm để tự động hoá các quy trình kế toán như lập hoá đơn, xử lý giao dịch và lập báo cáo tài chính, các phần mềm như SAP, Oracle ERP cung cấp các giải pháp tích hợp toàn diện.

+ Ứng dụng công nghệ đám mây để lưu trữ và quản lý dữ liệu kế toán, đảm bảo dữ liệu luôn được sao lưu và bảo mật.

+ Ứng dụng công nghệ Big Data và phân tích dữ liệu để dự đoán xu hướng tài chính và hỗ trợ quyết định quản lý.

+ Tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và Machine Learning để tự động hoá các công việc kế toán như phân tích hoá đơn, phân loại giao dịch và phát hiện gian lận.

+ Tích hợp hệ thống thông tin kế toán với hệ thống ERP để đồng bộ hoá dữ liệu tài chính, tăng cường khả năng chia sẻ dữ liệu.

Song song với ứng dụng công nghệ thông tin, để đảm bảo thông tin kế toán đầu ra là trung thực, hợp lý thì các thủ tục kiểm soát phải được thiết kế một cách chặt chẽ và hiệu quả.

* Giải pháp Hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ trong hệ thống thông tin kế toán là một phần quan trọng để đảm bảo tính chính xác, bảo mật và toàn vẹn của thông tin tài chính. Do đó doanh nghiệp cần:

+ Phân quyền và kiểm soát truy cập, đảm bảo rằng chỉ những nhân viên có trách nhiệm và quyền hạn mới có thể truy cập và xử lý thông tin kế toán quan trọng, thay đổi mật khẩu định kỳ để bảo vệ hệ thống.

+ Đánh giá và phân tích rủi ro, xác định các yếu tố có thể gây rủi ro cho hệ thống, lên kế hoạch để đối phó với các tình huống rủi ro và triển khai các biện pháp giảm thiểu.

+ Đảm bảo rằng tất cả các giao dịch tài chính đều được ghi chép đầy đủ và chính xác trong hệ thống kế toán.

+ Cung cấp đào tạo thường xuyên cho nhân viên về các quy trình kiểm soát và các yêu cầu bảo mật.

+ Sử dụng các phần mềm kế toán và kiểm soát nội bộ hiện đại để tự động hoá các quy trình và giảm thiểu lỗi con người.

+ Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ để đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm toán từ đó cải tiến hệ thống kiểm soát và các quy trình.

+ Theo dõi và giám sát liên tục các hoạt động kế toán để phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường hoặc vi phạm.

Những giải pháp này sẽ giúp xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ mạnh mẽ trong hệ thống thông tin kế toán, giúp bảo đảm chính xác và đáng tin cậy của các thông tin tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Robert J.Schiller, “Accounting Information Systems”. Boston: The Mac-Graw-Hill companies, 2018.

- [2] Flynn,B.B., Quality Management Practices and Performance in Small Business. *Journal of Operations Management*,10(2), 1992, 169-188.
- [3] Omar Elbanna, Impact of Accounting Information Systems on the Quality of Financial Reporting. *International Journal of Accounting Information*,2018.
- [4] Marcella V.Morgan, Steven A.Harris, Accounting Information Systems and Internal Control. *International Journal of Small Bussiness Economics*, 2018.
- [5] Y.K.K.Kamal, The Effectiveness of Accounting Information Systems and Its Impact on Firm Performance. *Journal of Accounting and Finance*, 2020.
- [6] Bùi Văn Tuấn, Hoàng Thị Lan, Challenges in Implementing Accounting Information Systems in Vietnamese Enterprises: A 2023 perspective. *Vietnam Journal of Bussiness and Management*, 2023.
- [7] Niên giám thống kê,2023.
- [8] J.F. Hair JR, R.E. Anderson, B.J. Babin, and W.C. Black “Multivariate data analysis”. Prentice Hall, New Jersey, 5th Edition, 1998.
- [9] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. TPHCSM: Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008.
- [10] Nguyễn Đình Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh-thiết kế và thực hiện*. Hà Nội: Nhà xuất bản lao động-xã hội, 2011.
- [11] Hàm Viết Thuận, *Giáo trình hệ thống thông tin quản lý*. Hà Nội: Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, 2008.
- [12] Le Ngoc My Hang & Hoang Giang, “Development of a model for evaluating the effectiveness of accounting information systems in co-operatives in Thua Thien Hue province”. *Journal of Science Hue University*, Vol.9, 2012, 49-58.
- [13] Ngô Thị Thu Hồng, “Mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán”, *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, số tháng 1,2012, trang 15-16&35.
- [14] Nguyễn Bích Liên, “Xác định và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng chất lượng thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại các doanh nghiệp Việt Nam”. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2012.